

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/01/2024

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Tuyết Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoa Kiều

2. Ông Châu Văn Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Mỹ Xuyên, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 523/2023/TLST-HN ngày 24/11/2023 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXX – ST ngày 12 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Nguyễn Thị S – sinh năm 1983;

Địa chỉ: số nhà 25, Ô3, khu 1, TT CG, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

\* Bị đơn: Trần Văn T - sinh năm: 1983;

Địa chỉ: ấp BL, xã SB, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

Có mặt chị S;

Anh T có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:**

- Về tình cảm: Tôi và anh Trần Văn T cưới nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn CG, huyện CG, tỉnh Tiền Giang vào năm 2020. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên ăn nhậu say về nhà kiếm chuyện gây gổ, chửi mắng đánh đập tôi và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nhận thấy tình cảm không còn và không thể hàn gắn được nên tôi yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Nguyên K, sinh ngày 18/5/2019 và Trần Thị Yến V, sinh ngày 17/12/2020 và Trần Thị Yến N – sinh ngày 17/12/2020. Khi ly hôn tôi yêu cầu nuôi cả ba con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 cháu.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Tại bản tự khai ngày 18/01/2024 anh Trần Văn T trình bày:**

- Về tình cảm: Tôi và chị Nguyễn Thị S sống chung nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn CG, huyện CG, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn lớn, chỉ có cãi vã những chuyện nhỏ nhặt. Hiện nay tôi đi làm ở Đồng Nai, cứ nửa tháng tôi về một lần. Tôi không đồng ý ly hôn với chị S vì tôi còn thương chị S.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Nguyên K, sinh ngày 18/5/2019 và Trần Thị Yến V, sinh ngày 17/12/2020 và Trần Thị Yến N – sinh ngày 17/12/2020. Nếu Toà buộc phải ly hôn thì tôi xin nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu chị Dung cấp dưỡng. Tôi đi làm ở Đồng Nai nửa tháng về một lần, nếu Toà giao con cho tôi thì tôi sẽ nhờ ông bà nội chăm sóc, chứ tôi không trực tiếp chăm sóc vì tôi đi làm xa.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị S trình bày:** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CG phát biểu quan điểm:**

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S. Về hôn nhân: chị S được ly hôn với anh T. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyên K, sinh ngày 18/5/2019 và Trần Thị Yến V, sinh ngày 17/12/2020 và Trần Thị Yến N – sinh ngày 17/12/2020 cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/01 tháng. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị S khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T, giải quyết vấn đề con chung, do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Do anh T cư trú tại: ấp BL, xã SB, huyện CG, tỉnh Tiền Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị S, Hội đồng xét xử xét thấy: chị S trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên ăn nhậu say về nhà kiếm chuyện gây gổ, chửi mắng đánh đập tôi và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Còn anh T cho rằng mâu thuẫn hai vợ chồng không lớn, anh còn thương chị S nhưng anh không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Ngoài ra, anh T cũng trình bày anh đi làm ăn xa, nửa tháng mới về một lần. Từ đó cho thấy, mối quan hệ vợ chồng của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không thường xuyên bên cạnh nhau khiến cho đời sống vợ chồng lạnh

nhật, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S.

[4] Về con chung: có 03 con chung tên Trần Nguyên K, sinh ngày 18/5/2019 và Trần Thị Yến V, sinh ngày 17/12/2020 và Trần Thị Yến N – sinh ngày 17/12/2020. Khi ly hôn chị S xin nuôi dưỡng cả ba con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay 03 con chung đang sống chung với chị S, anh T thì đi làm ăn xa, nửa tháng mới về một lần, ngoài ra anh cũng trình bày nếu giao ba con chung cho anh nuôi dưỡng thì anh sẽ gửi cho ông bà nội chăm sóc, từ đó cho thấy anh T không thể nào bên cạnh 03 con để chăm sóc nuôi dưỡng, do đó, anh T xin nuôi cả 03 con chung là không hợp lý. Hiện nay, cháu K, cháu V, cháu N còn rất nhỏ, lại đang sống chung với mẹ và chị S có thể vừa làm ra kinh tế và vừa trực tiếp bên cạnh nuôi dưỡng con, cho nên cần giao ba con chung cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị S yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi cháu 1.000.000 đồng/01 tháng, bao con chung là 3.000.000 đồng/01 tháng. Mức yêu cầu cấp dưỡng của chị S cũng phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị S là người nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, do đó, chị S sẽ chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật. Còn anh T sẽ chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

#### **Xử:**

1. Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị S. Chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung:

+ Giao 03 cháu Trần Nguyên K, sinh ngày 18/5/2019 và Trần Thị Yến V, sinh ngày 17/12/2020 và Trần Thị Yến N – sinh ngày 17/12/2020 cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng.

+ Anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/01 tháng, 03 cháu 3.000.000 đồng/01 tháng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

+ Người nào không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền ngăn cản.

**3.** Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí theo biên lai thu số 0007042 ngày 23/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CG, tỉnh Tiền Giang. Xem như chị S đã thực hiện xong.

Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

**4.** Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Còn đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện CG;
- Chi cục THADS huyện CG;
- UBND thị trấn CG, CG, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Tuyết Hạnh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**